

Bài 3

XU HƯỚNG TOÀN CẦU HOÁ, KHU VỰC HOÁ KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần :

1. Kiến thức

– Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hoá và khu vực hoá, hệ quả của toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế.

– Phân tích được cơ sở của các liên kết kinh tế khu vực và biết một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực.

2. Kỹ năng

– Sử dụng bản đồ Các nước trên thế giới để nhận biết lãnh thổ của các liên kết kinh tế khu vực.

– Phân tích bảng số liệu để nhận biết quy mô, vai trò đối với thị trường quốc tế của các liên kết kinh tế khu vực.

3. Thái độ

– Nhận thức được tính tất yếu của toàn cầu hoá, khu vực hoá. Từ đó, xác định trách nhiệm của bản thân trong sự đóng góp vào việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế – xã hội tại địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

– Bản đồ Các nước trên thế giới.

– Lược đồ các tổ chức liên kết kinh tế trên thế giới (GV có thể dùng kí hiệu thể hiện trên nền lược đồ hành chính thế giới vị trí của các nước trong các tổ chức liên kết kinh tế khác nhau).

III. TRỌNG TÂM BÀI

Các biểu hiện và hệ quả của xu hướng toàn cầu hoá, khu vực hoá.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mục I. Xu hướng toàn cầu hoá kinh tế

Hoạt động 1 : Tìm hiểu xu hướng toàn cầu hoá kinh tế

Bằng cách nêu ra các sự kiện cụ thể về kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học, kĩ thuật,... có phạm vi ảnh hưởng toàn thế giới, GV khái quát hoá, hình thành cho HS

khái niệm *toàn cầu hoá*. Toàn cầu hoá là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về nhiều mặt, từ kinh tế đến văn hoá, khoa học,... (Hoặc, toàn cầu hoá là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, sự ảnh hưởng, tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới). Toàn cầu hoá kinh tế có tác động mạnh mẽ đến các mặt khác.

Sau đó hướng sự chú ý của HS vào các biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế.

– GV chia lớp thành các nhóm nhỏ. Mỗi nhóm nghiên cứu và trình bày trước lớp một biểu hiện của toàn cầu hoá (một số nhóm có nhiệm vụ giống nhau). Trong quá trình các nhóm trao đổi, GV hướng dẫn HS phân tích nội dung và số liệu ở SGK, rút ra các kết luận cần thiết.

– Đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, GV kết luận từng biểu hiện một của toàn cầu hoá, chú ý hướng dẫn HS trả lời câu hỏi giữa bài trong SGK và liên hệ với thực tế nước ta.

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm cặp đôi với nhiệm vụ : Đọc mục 2 trong SGK, nêu mặt tích cực và tiêu cực của toàn cầu hoá kinh tế. Lấy ví dụ để làm rõ.

Mục II. Xu hướng khu vực hoá kinh tế

Hoạt động 2 : Tìm hiểu xu hướng khu vực hoá kinh tế

– GV cho HS tìm các nước thành viên của một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực trên bản đồ Các nước trên thế giới và dựa vào bảng 3 trong SGK để so sánh quy mô về dân số, GDP giữa các khối với nhau.

– Sau đó, tiếp tục yêu cầu HS nêu những nguyên nhân làm cho các nước trong từng khu vực liên kết với nhau (tương đồng về địa lí, văn hoá, xã hội ; chung mục tiêu và lợi ích phát triển,...).

– Khái quát các ý kiến của HS, GV kết luận về nguyên nhân và nêu khái niệm *khu vực hoá kinh tế*. Khu vực hoá được hiểu là một quá trình diễn ra những liên kết về nhiều mặt giữa các quốc gia nằm trong một khu vực địa lí, nhằm tối ưu hoá những lợi ích chung trong nội bộ khu vực và tối đa hoá sức cạnh tranh đối với các đối tác bên ngoài khu vực.

– Tiếp tục, đặt câu hỏi thu hút sự chú ý của HS : "Điều đó có xảy ra đối với từng vùng, tiểu vùng không ?" để thuyết trình về các tổ chức liên kết tiểu vùng ở các châu lục.

– GV yêu cầu HS đọc mục 2, tự trả lời câu hỏi : Khu vực hoá kinh tế có những mặt tích cực nào và đặt ra những thách thức gì cho mỗi quốc gia ? Liên hệ Việt Nam trong mối quan hệ kinh tế với các nước ASEAN hiện nay.

V . THÔNG TIN

MỘT SỐ CÔNG TI ĐÚNG HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI VỀ VỐN TƯ BẢN HOÁ (NĂM 2000)

Tên công ti	Nước	Vốn tư bản hoá (tỷ USD)	Xếp hạng trên thế giới	
			Năm 1999	Năm 2000
Microsoft	Hoa Kỳ	586,2	1	1
General Electric	Hoa Kỳ	474,9	2	2
NTT Mobile Communications	Nhật Bản	366,1	-	3
Sisco Systems	Hoa Kỳ	348,9	19	4
Wal - Mart Stores	Hoa Kỳ	286,2	9	5
Intel	Hoa Kỳ	277,1	7	6
NTT	Nhật Bản	274,9	11	7
Exxon Mobil	Hoa Kỳ	265,8	-	8
Lucent Technologies	Hoa Kỳ	237,7	21	9
Deutsche Telecom	CHLB Đức	209,7	27	10

THỜI CƠ CỦA TOÀN CẦU HOÁ ĐỐI VỚI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KHÓ KHĂN CỦA ĐẤT NƯỚC KHI GIA NHẬP WTO

Từ ngày 11 tháng 1 năm 2007, Việt Nam chính thức là thành viên của WTO (thành viên thứ 150).

1. Thời cơ

– Mở rộng thị trường ra nước ngoài, tìm thị trường mới trên cơ sở các hiệp định thương mại song phương, đa phương. Khi Việt Nam gia nhập WTO thì sẽ được hưởng quyền ưu đãi tối huệ quốc (MFN) và có nhiều thuận lợi về xuất khẩu hàng hoá vào các nước khác trong WTO.

– Có cơ hội thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

– Có nhiều cơ hội tiếp nhận và đổi mới công nghệ, trang thiết bị.

– Mở cửa, tạo điều kiện phát huy nội lực.

– Có sự phân công lao động mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra trên nhiều phương diện.

2. Những khó khăn, thách thức

- Thực trạng nền kinh tế nước ta có nhiều mặt còn lạc hậu so với khu vực và thế giới.
- Trình độ quản lí kinh tế nhìn chung còn thấp.
- Quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế còn chậm.
- Sử dụng các nguồn vốn còn kém hiệu quả.

THỬ NHẬN ĐỊNH VỀ TOÀN CẦU HOÁ

Tuy mới xuất hiện cách đây chừng hai thập niên, nhưng với sức lan toả rất mạnh mẽ, toàn cầu hoá đang trở thành một chủ đề được tranh cãi ở khắp mọi nơi, với những ý tưởng đối nghịch nhau một cách quyết liệt.

Nhiều người trong giới trí thức châu Âu chống toàn cầu hoá vì xem toàn cầu hoá cũng có nghĩa là "Mĩ hoá" nhằm áp đặt lên toàn thế giới mô hình "xã hội thị trường" và văn hoá tiêu thụ đại chúng "nông cạn" của Mĩ, làm mờ nhạt và thui chột các nền văn hoá dân tộc lâu đời. Các nước đang phát triển thì chống lại những khía cạnh bất bình đẳng trong quan hệ mậu dịch thế giới (ví dụ như Âu, Mĩ thì bảo hộ và hỗ trợ nông nghiệp cho nông dân nước mình nhưng lại đòi các nước đang phát triển phải mở cửa thị trường và tôn trọng bảo vệ sở hữu trí tuệ), chống lại tính đầu cơ và bất ổn định trong việc tự do hoá dòng chảy tư bản ngắn hạn. Ở các nước công nghiệp phát triển, phong trào chống toàn cầu hoá lại đi từ những đòi hỏi phải bảo hộ mậu dịch chống các nước đang phát triển (qua những đòi hỏi về tiêu chuẩn lao động và môi trường của các công đoàn và tổ chức phi chính phủ) đến việc chống lại mọi nỗ lực cải cách trong nước vì nó đe dọa đến phúc lợi xã hội mà hiện nay ngân sách quốc gia không còn đài thọ nổi vì công nợ đã quá lớn.

Ở Việt Nam, nếu nói một cách thật vắn tắt thì có thể nêu lên hai xu hướng đối nghịch trong sự đánh giá về toàn cầu hoá :

Một là, toàn cầu hoá chẳng qua chỉ là, hoặc ít nhất là hậu quả về chính sách của vài siêu cường, trước hết là Mĩ muốn bành trướng sức mạnh và ảnh hưởng của mình ra toàn thế giới.

Hai là, toàn cầu hoá là xu thế khách quan không cưỡng lại được của thời đại, do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của kinh tế và thị trường thế giới được thúc đẩy bởi những bước tiến như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ.

Dù dưới cách nhìn nhận nào thì toàn cầu hoá kinh tế là hiện tượng thực tế đang phát huy ảnh hưởng của nó, về chiều rộng cũng như về chiều sâu trên mọi châu lục, mọi quốc gia. Toàn cầu hoá là một hiện tượng "mở" đang vận động trên những chặng đường dài, với biết bao diễn biến phức tạp và bất ngờ. Việt Nam cũng không nằm ngoài dòng thác của những biến động đó.

Có thể nói, bản chất của toàn cầu hoá là một cuộc chơi, là một trận đấu, ai thông minh sáng suốt thì được nhiều hơn mất, ai non kém, sơ hở thì mất nhiều hơn được, có thể "được – mất" rất lớn nhưng hầu như không thể được hết hoặc mất hết. Chỉ có một tình huống chắc chắn mất hết, đó là khi co mình lại, đóng cửa vào, cự tuyệt toàn cầu hoá, khước từ hội nhập. Nếu có điều đó thì đó là chính sách tự sát, đi ngược lại xu thế của thời đại, dấu đó là một xu thế phức tạp chứa đựng cả mưu đồ đen tối của siêu cường này, cường quốc nọ... không bao giờ là dấu hiệu của sự sáng suốt.

Là một xu thế của thời đại, cho dù là xu thế khách quan, song xét đến cùng thì toàn cầu hoá cũng là do con người tạo ra, là kết quả phức hợp của nhiều yếu tố mà mỗi yếu tố cũng đều là sản phẩm của con người. Trong đó, có thể kể đến 3 yếu tố chính là : cách mạng khoa học và công nghệ, nền kinh tế thị trường hiện đại, chính sách có tính toán của Mĩ, của mọi quốc gia lớn nhỏ trên toàn thế giới.

Có một thực tế không cần tranh cãi là nền kinh tế thực sự toàn cầu hoá (cạnh tranh toàn cầu trong thị trường đầu vào, đầu ra và tài sản doanh nghiệp) đã chiếm một nửa toàn bộ hoạt động kinh tế của loài người và đang tăng lên nhanh chóng, tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến phần còn lại.

Hiện nay, thế giới có hơn 60 nghìn công ti xuyên quốc gia (so với 37 nghìn năm 1995), chiếm khoảng 65% tổng kim ngạch buôn bán của thế giới. Trong đó, 500 công ti xuyên quốc gia khổng lồ đã giành khoảng một nửa thị trường thế giới với khoảng từ 80 đến 90% công nghệ cao.

Những thành tựu của công nghệ tin học và viễn thông đã làm tăng vọt các năng lực sản xuất và các luồng thông tin, kích thích cạnh tranh, thu hẹp khoảng cách không gian và thời gian, tạo điều kiện cho quá trình toàn cầu hoá. Những thương vụ về ngoại tệ lớn gấp hơn trăm lần giá trị tất cả các trao đổi trên thế giới về của cải và dịch vụ. "Nền kinh tế Internet" được hình thành do sự tiến bộ vượt bậc và sự hội tụ của các ngành công nghệ tính toán, viễn thông, số hoá và Internet cùng việc áp dụng phổ biến các công nghệ này trong mọi hoạt động kinh tế – xã hội mà thương mại điện tử đang là một ví dụ tiêu biểu. Ở đây thể hiện rõ nhất những áp lực thôi thúc các doanh nghiệp phải nhanh chóng thích ứng và vận dụng sáng tạo các thành tựu kì diệu của công nghệ Internet.

Cũng cần thấy rằng toàn cầu hoá về tài chính có khả năng mang lại những nguồn vốn lớn cho các nước đang phát triển nếu các nước này biết cách khai thác một cách khôn ngoan, tận dụng được những cơ hội và tránh được những hiểm hoạ.

(Theo báo cáo của GS. Trương Lai đọc tại Hội thảo Mùa Hè ở Đại học New York, từ ngày 7 đến 11 tháng 7 năm 2000).